

Bản án số: 449/2023/HC-PT

Ngày 22 tháng 6 năm 2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về
quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 85/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 174/2022/HC-ST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1139/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1941, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp 6, xã MB, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H: Bà Trần Thị Mai Đ, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2021), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị H: Luật sư Lê Văn L – Văn phòng luật sư Lê Văn L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An, có mặt.

Địa chỉ: Số 35 đường N, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

2. **Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh N, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Huỳnh Văn C, Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Long An, có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ - Là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/8/2022 người khởi kiện Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H trình bày:* Năm 1985, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước vận động nhân dân khai hoang lấp kín Đồng Thấp Mười, bà Lê Thị H có khai hoang 01 phần đất có diện tích là 30.000m² đất bưng, đất tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. Sau đó, bà Lê Thị H tiến hành khai vỡ, đầu tư vào cải tạo đất để sản xuất lúa. Đến năm 1988, Nhà nước quy hoạch kênh xáng Maren đi qua phần đất của bà Lê Thị H đang sản xuất, nên phần đất bà Lê Thị H khai hoang được chia thành 02 thửa gồm thửa 64, tờ bản đồ số 3, diện tích 7.283,8m² và thửa số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 20.000m², đất tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Khi Nhà nước thi công đường tỉnh 839 và tiếp tục thi công kênh T2 nên Nhà nước đã lấy của bà Lê Thị H một phần đất có diện tích khoảng 10.000m² thuộc thửa số 12 và chia thửa số 12 thành 02 thửa bao gồm thửa số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.258,9m² và thửa số 11, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.718,8m² đất tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Năm 1989, bà Lê Thị H có xây dựng căn nhà thuộc thửa số 12 và thửa số 11 do xáng thối bưng tràn phèn vào nên bà Lê Thị H không thể canh tác lúa nên chuyển sang trồng tràm. Năm 1990, đồn biên phòng 869 có mượn bà Lê Thị H 01 phần đất thửa số 12 để xây dựng chốt bảo vệ biên giới.

Đến năm 1995, Đồn biên phòng 869 thửa đất số 12 không còn sử dụng nên bà đề nghị trả lại cho bà Lê Thị H và đến ngày 12/11/2018 Đồn biên phòng và Ủy ban nhân dân xã B thống nhất cách giải quyết và bà Lê Thị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12.

Đối với thửa đất số 11 thì ông Huỳnh Hữu C nguyên là Đoàn phó Đoàn kinh tế Đồng Tháp V và ông Trần Văn H có mượn của bà Lê Thị H thửa đất 11 vào năm 1991 để xây dựng trường học nên bà Lê Thị H đã đồng ý với điều kiện sau khi Đoàn kinh tế Đồng Tháp V không sử dụng phần đất này thì phải trả lại thửa đất trên cho bà Lê Thị H. Sau đó trường tiểu học được xây dựng trên phần đất của bà Lê Thị H tại thửa 11 diện tích đất còn lại bà Lê Thị H trồng tràm để tăng thêm thu nhập cho gia đình. Hiện nay bà Lê Thị H vẫn sử dụng thửa đất số 11 để trồng tràm. Đến năm 2014, trường tiểu học ngừng hoạt động và chuyển sang nơi khác để xây dựng trường mới. Bà Lê Thị H đã nhiều lần gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã B nhưng vẫn không giải quyết cho bà Lê Thị H.

Ngày 29/5/2019 và ngày 07/10/2019, bà Lê Thị H gửi kiến nghị đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đ yêu cầu giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Đến ngày 28/3/2020, bà Lê Thị H nhận được Văn bản số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ có nội dung là Nhà nước sử dụng thửa đất cho mục đích xây dựng trường học xuyên suốt, ổn định từ năm 1991 cho đến nay vẫn là đất giáo dục.

Không đồng ý Văn bản số 1577/UBND-TNMT của Ủy ban nhân dân huyện Đ nên bà Lê Thị H làm đơn khiếu nại. Ngày 13/8/2020, Ủy ban nhân dân huyện Đ tiến hành hòa giải lần 1 và được những người xác nhận làm chứng cho bà Lê Thị H về phần đất nói trên do bà Lê Thị H khai hoang và bà Lê Thị H có cho Đoàn kinh tế Đồng Tháp V mượn để xây dựng trường tiểu học như ông Trần Văn Đ (là cán bộ phụ trách nông nghiệp xã BT cũ), ông Nguyễn Long Cư (nguyên bí thư xã B) và ông Trần Văn H (người thuộc Đoàn kinh tế Đồng Tháp V) là người trực tiếp liên hệ mượn đất của bà Lê Thị H nhưng do lòng tin vững chắc giữa chính quyền và nhân dân nên 02 bên không lập văn bản.

Ngày 09/4/2021, bà Lê Thị H tiếp tục gửi đơn yêu cầu giải quyết đến Ủy ban nhân dân huyện Đ. Ngày 13/7/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 2706/QĐ-UBND về việc giải quyết không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị H.

Do đó, bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An; buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại ấp 2, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An,

- *Tại Văn bản số 1887/UBND-TNMT ngày 10 tháng 8 năm 2022 của người bị kiện Chủ tịch, Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến:* Khoảng năm 1985, gia đình bà Lê Thị H tự ý đến khu vực kênh T1, T2 khai vỡ đất hoang để sản xuất lúa với diện tích khoảng 30.000m². Đến năm 1988, Nhà nước có quy hoạch đào kênh xáng Maren đi qua khu đất của bà Lê Thị H, thửa đất được phân thành 02 thửa gồm thửa số 64, tờ bản đồ số 3 diện tích 7.283.8m² và thửa số 12 tờ bản đồ số 11 diện tích khoảng 20.000m². Sau đó, Nhà nước thi công đường 839 đã chiếm hết 01 phần đất thửa số 12, phần còn lại Nhà nước tiếp tục thi công kênh T2 nên thửa đất 12 được chia làm 02 thửa, thửa số 12 và thửa số 11, tờ bản đồ số 11. Thửa số 12 diện tích 3.258.9m² làm chót biên phòng, thửa số 11, tờ bản đồ số 11 xây dựng trường tiểu học ấp 1, xã BT (nay là ấp 2, xã B). Thời gian này bà Lê Thị H có xây dựng tạm căn nhà lá để nấu rượu và bán tạp hóa được vài năm thì bà Lê Thị H chuyển đến ngụ tại ấp 6, xã MB đến nay.

Năm 2014, bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 309041 đối với thửa số 64, tờ bản đồ số 3, diện tích 7.283.8 m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, thời hạn sử dụng 10/2043 và đến năm 2018, bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 913336 đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.258.9m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, thời hạn sử dụng 7/2064.

Việc bà Lê Thị H trình bày năm 1991 bà Lê Thị H cho Đoàn kinh tế Đồng Tháp V mượn thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 để xây dựng trường học, nhưng bà Lê Thị H không có tài liệu chứng minh. Trường tiểu học ấp 1, xã BT (nay là ấp 2, xã B) được xây dựng khoảng năm 1991 trên thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 (thời điểm xây dựng trường xác định là đất hoang, lý do kênh xáng T2 đào đất than bùn san lấp), trường được xây dựng cơ bản gồm 03 phòng học cấp 4, nền xi măng tường xây, mái ngói do Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V xin nguồn kinh phí từ Chi cục di dân tỉnh Long An, diện tích khuôn viên trường học khoảng 3.500m², phần còn lại là đất trống chưa sử dụng. Sau khi trường học xây dựng xong Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V giao lại cho Phòng giáo dục và đào tạo quản lý đi vào hoạt động đến năm 2004. Từ năm 2004 đến nay trường không còn hoạt động nên giao cho Ủy ban nhân dân xã B quản lý cơ sở vật chất trên thửa đất 11. Năm 2004, bà Lê Thị H tự ý trồng tràm trên phần đất của trường học và phần đất chưa sử dụng tại thửa số 11, chính quyền địa phương không xử lý hành vi trên.

Qua làm việc với những người trước đây nguyên là cán bộ Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V thì đất xây dựng trường học tại thửa 11, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại ấp 1, xã BT (nay là ấp 2, xã B) là đất hoang chỉ có cây bàng và một số tràm, khi tiến hành xây dựng trường học thì có hỏi mượn bà Lê Thị H. Tuy nhiên, không có tài liệu chứng minh bà Lê Thị H cho mượn.

Qua làm việc với 01 số người biết sự việc trên và 01 số người có khai vỡ đất liền kề xác định bà Lê Thị H trước đây có khai vỡ phần đất trên được khoảng 01 thời gian thì Nhà nước thi công kênh xáng Maren ngang qua đất bà Lê Thị H, tại thời điểm đó bà Lê Thị H không sản xuất được nên bỏ hoang. Thời điểm xây dựng trường học là đất hoang không sản xuất, còn việc bà Lê Thị H và chính quyền có vận động hiến hay mượn đất thì không ai biết. Qua làm việc với 01 số người trước đây nguyên là cán bộ xã BT thì xác định đất làm trường học tại ấp 1, xã BT nay là ấp 2 xã B tại thời điểm đó là đất hoang không ai sản xuất.

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính đang lưu trữ, sử dụng tại Ủy ban nhân dân xã BT, Ủy ban nhân dân xã B thể hiện: Bà Lê Thị H không có đăng ký phần đất trên trong sổ mục kê, sổ địa chính tại Ủy ban nhân dân xã BT, Ủy ban nhân dân xã B đang quản lý.

Theo bản đồ sử dụng năm 1997 là thửa 1155, tờ bản đồ số 10, diện tích 7.856m², mục đích sử dụng đất giáo dục. Theo bản đồ quản lý, sử dụng (năm 2012) là thửa 11, tờ bản đồ số 11, diện tích 6.718m², mục đích sử dụng: Đất giáo dục.

Việc bà Lê Thị H có đơn kiến nghị trả lại đất cho mượn xây dựng trường tiểu học, đất tọa lạc tại xã B gửi đến Ủy ban nhân dân huyện Đ, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành văn bản số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2019 nội dung không chấp nhận đơn bà Lê Thị H là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền xem xét đơn kiến nghị xin lại đất của bà Lê Thị H theo quy định tại khoản 2, điều 204 của Luật đất đai 2013.

Bà Lê Thị H khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật Khiếu nại. Quá trình giải quyết khiếu nại có tổ chức xác minh và đối thoại theo đúng trình tự và có ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 27, 28, 29,

31 của Luật khiếu nại. Đề nghị Tòa án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 174/2022/HC-ST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ điều 99, 101 Luật Đất đai năm 2013;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

Hủy Công văn số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc trả lời đơn kiến nghị hoàn trả lại đất cho mượn xây dựng Trường tiểu học.

Hủy Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H (lần đầu).

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc xã B, huyện Đ, tỉnh Long An theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/12/2022 và ngày 29/12/2022 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H vì thửa đất số 11 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B, huyện Đ đất thuộc quản lý sử dụng của tổ chức là Trường tiểu học xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện có ý kiến: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H vì thửa đất số 11 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B, huyện Đ đất thuộc quản lý sử dụng của tổ chức là Trường tiểu học xã B, huyện Đ. Căn cứ vào kết luận kiểm tra của Sở Tài Chính tỉnh Long An xác định thửa đất số 11 là đất công nên Ủy ban nhân dân huyện Đ không xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H.

- Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Lê Thị H có ý kiến: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến: Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ mới. Hơn nữa tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện thừa nhận có mượn đất của bà Lê Thị H để xây dựng trường học. Do đó có căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H tại thửa đất số 11 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Bản án sơ thẩm tuyên xử hủy Công văn số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Hủy Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H là có căn cứ. Do đó đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người khởi kiện bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H. Công văn số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc trả lời đơn kiến nghị hoàn trả lại đất cho mượn xây dựng Trường tiểu học là Quyết định hành chính có liên quan. Do đó Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 3, 30, 32, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính:

[3.1] Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại các Điều 18, 28, 29, 31 của Luật Khiếu nại.

[3.2] Về nguồn gốc đất do gia đình bà Lê Thị H khai hoang vào năm 1985 tại khu vực kênh T1, T2 với diện tích khoảng 30.000m² để canh tác lúa hai vụ. Đến năm 1988, Nhà nước có quy hoạch đào kênh xáng Maren đi qua đất của bà Lê Thị H, nên phần đất của bà Lê Thị H được chia thành hai thửa gồm thửa số 64, tờ bản đồ số 3 diện tích 7.283.8m² và thửa số 12 tờ bản đồ số 11 diện tích khoảng 20.000m². Năm 2014, bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 309041 đối với thửa số 64, tờ bản đồ số 3, diện tích 7.283.8m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, thời hạn sử dụng 10/2043. Đối với thửa số 12 tờ bản đồ số 11 diện tích khoảng 20.000m², khi thi công đường 839 đã chiếm một phần đất thửa số 12 và khi thi công kênh T2 nên thửa đất 12 được chia làm 02 thửa: Thửa số 12 và thửa số 11. Năm 1990, đồn biên phòng 869 có mượn bà Lê Thị H 01 phần đất thửa số 12 để xây dựng chốt bảo vệ biên giới, đến năm 1995, Đồn biên phòng 869 thửa đất số 12 không còn sử dụng nên bà đề nghị trả lại cho bà Lê Thị H và năm 2018, bà Lê Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 913336 đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.258.9m², mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất, thời hạn sử dụng 7/2064.

Bà Lê Thị H khai vào năm 1991 bà có cho Đoàn kinh tế Đồng Tháp V mượn một phần thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 để xây dựng trường học phần còn lại bà tiếp tục trồng cây tràm, đến năm 2004 đến nay trường không còn hoạt động thì bà Lê Thị H tiếp tục sử dụng đất để trồng tràm. bà Lê Thị H nhiều lần đề nghị xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện Đ thì cho rằng thửa đất 11, tờ bản đồ số 11 sau khi khai hoang bà Lê Thị H sử dụng một thời gian thì bỏ hoang sau đó Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V có xây dựng trường tiểu học ấp 1 xã BT. Thời gian này bà Lê Thị H có xây dựng tạm căn nhà lá để nấu rượu và bán tạp hóa được vài năm thì bà Lê Thị H chuyển đến ngụ tại ấp 6, xã MB đến nay. Việc bà Lê Thị H khai khai có cho mượn đất để xây dựng trường học, nhưng mà Hai không có giấy tờ chứng minh việc cho mượn đất thỏa thuận nếu không dạy học nữa thì trả lại.

[3.3] Căn cứ vào lời khai của những người làm chứng gồm các ông Nguyễn Hữu Chính N là Đoàn phó Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V, Trần Văn H nguyên là cán bộ thuộc Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V, Trần Văn Đ nguyên là cán bộ phụ trách nông nghiệp xã BT cũ đều xác định thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 do bà Lê Thị H khai hoang và khi Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V có hỏi mượn bà Lê Thị H một phần đất tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 để xây dựng Trường tiểu học ấp 1, khi hỏi mượn đất của bà Lê Thị H không làm giấy mượn đất, đến cuối năm 2003 trường học không còn hoạt động. Những người làm chứng gồm các ông bà Đào Văn C, Lê Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L cũng có lời khai xác định thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 có nguồn gốc là do bà Lê Thị H khai hoang và bà Lê Thị H quản lý, sử dụng đất từ khi khai hoang đến nay.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2022 xác định trên thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 có 01 căn nhà cấp 4, kết cấu mái ngói, tường gạch, nền xi măng chia làm 03 phòng trước đây được sử dụng làm trường học do Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V xây dựng, hiện nay không còn giá trị sử dụng. Phần đất còn lại của thửa đất 11 do bà Lê Thị H quản lý trồng cây tràm.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện Đ cung cấp các biên bản xác minh cũng xác định nguồn gốc thửa đất 11, tờ bản đồ số 11 là do bà Lê Thị H khai hoang, bà Lê Thị H sử dụng 01 thời gian thì Nhà nước thi công kênh Maren ngang qua đất bà Lê Thị H, sau đó bà Lê Thị H có cải tạo thửa đất số 11 để sử dụng tiếp hay không thì không thể hiện. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện Đ cũng xác định từ năm 2004 sau khi trường tiểu học ấp 1 không còn hoạt động, bà Lê Thị H có trồng cây tràm trên thửa đất số 11 và quản lý sử dụng thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 đến nay, trong quá trình bà Lê Thị H sử dụng đất không có phát sinh tranh chấp.

[4] Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 11 tờ bản đồ số 11 do bà Lê Thị H khai hoang đến năm 1991 Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V hỏi mượn một phần đất tại thửa đất số 11 để xây dựng trường tiểu học ấp 1, xã BT (nay là ấp 2, xã B) phần còn lại bà Lê Thị H tiếp tục quản lý trồng cây tràm. Đến năm 2004 trường tiểu học ấp 1 không còn hoạt động, bà Lê Thị H tiếp tục quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất và làm đơn yêu cầu xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 20 và điểm h khoản 2 Điều 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tuy nhiên, ngày 27/11/2019 Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Văn bản số 1577/UBND-TNMT “về việc trả lời đơn kiến nghị hoàn trả lại đất cho mượn xây dựng trường tiểu học” xác định: “Nguồn gốc là loại đất bùng hoang tập đoàn 1, ấp 1, xã BT tạm cấp cho bà hai o3 ha đất bùng (đất hoang) bà Lê Thị H khai vỡ làm đất ngúng 2 vụ, năm 1987 có quy hoạch kênh xáng đi qua nên phần đất còn lại ít, bà Lê Thị H không sản xuất được bỏ hoang. Năm 1991, Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp V có nhu cầu làm trường học vận động bàn hiến đất và bà đồng ý bà Lê Thị H không có giấy tờ cho mượn đất thỏa thuận nếu sau này không tiếp tục dạy học nữa thì trả lại cho bà, nên xác định thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 đã sử dụng cho mục đích xây dựng trường học từ năm 1991, đến nay vẫn là đất giáo dục” là chưa phù hợp về quá trình sử dụng đất của gia đình bà Lê Thị H, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị H.

Không đồng ý với Văn bản số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, nên bà Lê Thị H làm đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2706/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 có nội dung giữ y Văn bản số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2017 là chưa đủ căn cứ.

Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, hủy Văn bản số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của bà Lê Thị H yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 của bà Lê Thị H thấy rằng: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính, khi xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, Hội đồng xét xử có quyền quyết định buộc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật; Do đó khi xem xét giải quyết vụ án, Tòa án sơ

thẩm tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H đối với thửa 11 tờ bản đồ số 11 tại ấp Bình Hòa Hưng, huyện Đ, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị H vì lời khai người làm chứng về việc mượn đất của bà Lê Thị H có sự mâu thuẫn, chủ yếu xác nhận khi xây dựng trường học thì thửa đất số 11 là đất hoang nên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa phù hợp với nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của gia đình bà Lê Thị H. Do đó không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm; về hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ.

2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 174/2022/HC-ST ngày 28/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; các Điều 348, 357, 358 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ điều 99, 101 Luật Đất đai năm 2013;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H:

Hủy Công văn số 1577/UBND-TNMT ngày 27/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc trả lời đơn kiến nghị hoàn trả lại đất cho mượn xây dựng Trường tiểu học.

Hủy Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị H (lần đầu).

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị H đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc xã B, huyện Đ, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo các biên lai thu số 0001590 ngày 29/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đã nộp xong.

- Ủy ban nhân dân huyện Đ phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo các biên lai thu số 0001579 ngày 13/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Ủy ban nhân dân huyện Đ đã nộp xong.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng; về án phí hành chính sơ thẩm; về hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**